

Bản án số 117/2021/DSST-ST

Ngày: 19/5/2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Triệu Thúy Hà.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Dương Xuân Thìn.  
Bà Ngô Thị Yêm.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thô lý sè 06/2021/TLST-DS ngày 04/01/2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2021/QĐXXST-DS ngày 20/4/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/QĐST-DS ngày 06/5/2021 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.**

Địa chỉ: Số 25 Trần Hưng Đ, phường Phan Chu T, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phạm Ngọc T - Chuyên viên xử lý nợ - Khối xử lý nợ Ngân hàng TMCP Đ.

**\* Bị đơn: Anh Lê Quang T, sinh năm 1986.**

**Chị Trần Thị L, sinh năm 1988.**

Đều trú tại: Khu 5, thôn Thụy L, xã Thụy L, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

**\* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông **Lê Quang V**, sinh 1957;
- Bà **Trần Thị B**, sinh năm 1959;
- Cháu **Lê Bá Q**, sinh năm 2010 (con anh T, chị L);
- Cháu **Lê Thu H**, sinh năm 2012 (con anh T, chị L);
- Cháu **Lê Công Đ**, sinh năm 2016 (con anh T, chị L);

Cháu Q, cháu H, cháu Đ do anh T, chị L là đại diện hợp pháp.

Đều trú tại: Khu 5, thôn Thụy L, xã Thụy L, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của ông Lê Quang V, bà Trần Thị B là anh Lê Quang T.

Có mặt: Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, ông T, bà L

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Trong đơn khởi kiện và các văn bản tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ trình bày:**

#### **1. Quá trình cho vay, ký kết Hợp đồng tín dụng**

1.1 Ngày 15/08/2019, anh Lê Quang T, chị Trần Thị L vay vốn tại SeABank Long B theo Hợp đồng tín dụng từng lần số REF 1921000109/HĐTD/HNU - LQT với nội dung chính như sau:

- Số tiền vay: 400.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh;
- Thời hạn: 60 tháng kể từ ngày nhận nợ.
- Lãi suất 10,99%/năm, lãi suất này được ưu đãi trong năm đầu tiên, trường hợp có vi phạm thì tính lãi suất điều chỉnh mỗi quý một lần X150% lãi trong hạn.

Thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, ngày 19/08/2019, SeABank Long B đã giải ngân cho anh Lê Quang T, chị Trần Thị L theo Giấy nhận nợ với tổng số tiền nhận nợ: 400.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng chẵn).

2.2 Ngày 14/07/2019, anh Lê Quang T, chị Trần Thị L vay vốn tại SeABank Long B theo Hợp đồng tín dụng hạn mức thẻ Visa với hạn mức vay như sau:

- Số tiền vay: 30.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Vay tiêu dùng cá nhân.
- Lãi suất tính trên dư nợ mỗi lần sử dụng và tính quá hạn nếu vi phạm nghĩa vụ.
- Do đây là khoản vay không tài sản bảo đảm, rủi ro cao nên bắt buộc phải chịu lãi suất thoả thuận trong hợp đồng tín dụng thẻ Visa. Lãi trong hạn: 30%/năm, lãi quá hạn: 45%/năm.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 126, tờ bản đồ số 40, diện tích 320m<sup>2</sup>; tài sản trên đất nhà ở 02 tầng diện tích xây dựng 60m<sup>2</sup> địa chỉ: Khu 6, Thụy L, Thụy L, huyện Đ, TP Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 576953; Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 276/760/QĐUB do UBND huyện Đ, thành phố Hà Nội cấp ngày 28/09/2005 cho hộ gia đình ông Lê Quang V. Ngày 28/09/2015 Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện Đ xác nhận tặng

cho toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho anh Lê Quang T theo Hợp đồng số 1445/2015/HĐCT lập tại VPCC Hà Anh ngày 15/09/2015. Tài sản được ký hợp đồng thế chấp có công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định.

## **2. Quá trình xử lý nợ:**

Sau khi vay vốn anh Lê Quang T, chị Trần Thị L đã thường xuyên trả nợ không đúng hạn, hiện nay không có khả năng thanh toán. SeABank đã làm việc và gửi Thông báo thu hồi nợ trước hạn, Thông báo khởi kiện yêu cầu trả nợ, tất toán toàn bộ khoản vay nhưng anh chị không thực hiện được, việc trả nợ hiện nay chỉ nhỏ giọt kéo dài và cũng không có phương án giải quyết dứt điểm khoản vay. Căn cứ các Hợp đồng tín dụng SeABank quyết định thu hồi toàn bộ khoản nợ trước hạn. Ngày 15/4/2021, anh T chị L trả thêm 10.000.000 đồng được trừ vào nợ gốc của Hợp đồng tín dụng;

Tổng nợ đã trả của Hợp đồng tín dụng đã trả 175.587.629 đồng trong đó: Nợ gốc 137.812.859 đồng; Nợ lãi: 37.774.770 đồng;

Tổng nợ đã trả của thẻ tín dụng là: Gốc: 7.499.997 đồng; Lãi quá hạn : 427.559;

Cộng dồn nghĩa vụ đã thực hiện của hai khoản vay là: 183.515.185 đồng (gốc 145.312.856 đồng; Lãi: 38.302.329 đồng).

### Nay nguyên đơn yêu cầu:

- Buộc ông Lê Quang T, bà Trần Thị L trả nợ cho SeABank theo Hợp đồng tín dụng từng lần số REF 1921000109/HĐTD/HNU - LQT ngày 15/08/2019 tổng số tiền nợ tính đến ngày 19/5/2021 là: Nợ gốc: 262.187.414 đồng; Lãi trong hạn: 30.807.601 đồng; Lãi quá hạn: 3.816.788 đồng.
- Buộc anh Lê Quang T, chị Trần Thị L phải trả nợ theo Hợp đồng hạn mức tín dụng khi phát hành thẻ tín dụng Visa ngày 14/07/2019 số tiền tạm tính đến ngày xét xử gồm: Nợ gốc: 2.503.000 đồng; Nợ lãi quá hạn: 946.228 đồng. Tổng cộng 3.49.228 đồng

***Tổng cộng cộng số tiền anh Lê Quang T, chị Trần Thị L phải trả nợ cho Nguyên đơn theo 02 Hợp đồng tín dụng trên là: 300.257.031 đồng.***

- Nợ gốc: 264.687.144 đồng.
- Nợ trong hạn: 30.807.601 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 4.763.016 đồng.
- Buộc ông Lê Quang T, bà Trần Thị L phải tiếp tục trả SeABank tiền lãi, phí, phạt theo lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn quy định tại các Hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ kèm theo kể từ ngày xét xử 19/5/2021 cho đến khi trả hết nợ.

- Kể từ ngày Quyết định/Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Lê Quang T, bà Trần Thị L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nêu trên cho SeABank thì SeABank được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, bán/chuyển nhượng tài sản bảo đảm của khoản vay nêu trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho SeABank.
- Trong trường hợp số tiền phát mại/thu hồi từ tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho SeABank thì ông Lê Quang T, bà Trần Thị L phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho SeABank cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

## **2. Bị đơn ông Lê Quang T, bà Trần Thị L trình bày:**

Thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng là vào tháng 8/2019, vợ chồng anh ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Long B để vay số tiền 400.000.000 đồng. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích vay tiền: Bổ sung vốn kinh doanh. Các thoả thuận về lãi suất, cách tính lãi, phương thức tính lãi và toàn bộ các điều khoản khác đều thể hiện trong hợp đồng tín dụng mà vợ chồng anh đã ký tên vào từng trang của Hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, thời gian đầu vợ chồng anh vẫn trả nợ đầy đủ (khoản gần 01 năm). Kể từ thời điểm dịch Covid-19 bùng phát thì việc kinh doanh gặp nhiều khó khăn nên vợ chồng anh đã không trả nợ đầy đủ theo thoả thuận trong hợp đồng tín dụng. Việc vay tiền là hai vợ chồng anh cùng vay cùng ký kết hợp đồng tín dụng. Việc trả nợ do anh Lê Quang T thường là người đi nộp tiền.

Quá trình hòa giải, anh chị thống nhất về nợ gốc lãi như phía nguyên đơn trình bày.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ, vợ chồng anh chị đã thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 126, tờ bản đồ 40. Diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 320m<sup>2</sup> số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 276/760/QĐ-UB do uỷ ban nhân dân huyện Đ cấp cho Hộ gia đình ông Lê Quang V. Hộ gia đình ông V đã ký hợp đồng tặng cho thửa đất này cho cá nhân anh T, việc tặng cho đã được đăng ký sang tên anh T. Hiện tại anh T là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất này.

Trên đất thế chấp có 01 nhà cấp 2 tầng bê tông cốt thép, và một phần nhà xưởng làm gỗ. Một số cây cối, giá trị kinh tế không cao.

Hiện tại trên đất có bố mẹ anh ông Lê Quang V, sinh 1957; bà Trần Thị B, sinh năm 1959; vợ chồng anh, các con anh cháu Lê Bá Q, sinh 06/02/2010, Lê Thu H, sinh ngày 26/12/2012, Lê Công Đ, sinh năm 2016.

Hiện tại, do tình hình dịch bệnh kéo dài dẫn đến công việc làm nghề gỗ của anh không được thuận lợi nên vợ chồng anh chưa thể thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng như trong Hợp đồng vay đã ký kết. Nay Ngân hàng có đơn khởi kiện yêu cầu trả nợ, vợ chồng anh đề nghị Ngân hàng hòa giải cùng chúng tôi để giải quyết toàn

bộ nội dung vụ án, tạo điều kiện thuận lợi để cho vợ chồng anh được trả nợ dần mỗi tháng 10.000.000 đồng nợ gốc cho đến khi hết gốc lãi.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Quang V, bà Trần Thị B trình bày tại Biên bản lấy lời khai:**

Ông Lê Quang V, bà Trần Thị B là bố đẻ, mẹ đẻ của anh Lê Quang T. Chị L là vợ của anh T.

Ông bà có biết việc anh T, chị L vay tiền của Ngân hàng để lấy vốn mua máy đục, kinh doanh đồ gỗ mỹ nghệ. Tuy nhiên anh chị vay tiền của Ngân hàng nào, số tiền vay là bao nhiêu thì ông bà không biết cụ thể.

Kể từ khi vay vốn, anh T, chị L có nói với ông bà là anh chị đã trả nợ lãi cho Ngân hàng đầy đủ, tuy nhiên khi có dịch covid-19 thì công việc làm ăn của anh chị thua lỗ nên anh chị chưa trả đủ nợ đầy đủ cho Ngân hàng. Cụ thể anh chị còn nợ Ngân hàng bao nhiêu thì ông bà cũng không rõ. Đề nghị ngân hàng tạo điều kiện để cho anh chị trả nợ dần cho ngân hàng, xin miễn giảm lãi.

Anh T, chị L đã thế chấp thửa đất số 126, tờ bản đồ 40 vào ngân hàng để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ. Thửa đất trên có nguồn gốc là thửa đất cấp cho hộ gia đình ông Lê Quang V. Năm 2015, gia đình đã tặng cho toàn bộ thửa đất trên cho anh T. Hiện nay trên thửa đất có gia đình ông bà sinh sống gồm có: Ông Lê Quang V, bà Trần Thị B, anh Lê Quang T, chị Trần Thị L, cháu Lê Bá Q, cháu Lê Thu H, cháu Lê Công Đ. Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là hộ gia đình ông Lê Quang V đã tặng cho anh T nên anh T, chị L phải có trách nhiệm trả nợ.

Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh T, chị L trả tiền nợ đã vay, ông bà có ý kiến là đề nghị ngân hàng miễn giảm lãi cho anh T, chị L trả dần nợ gốc.

**Tại phiên toà:**

Người đại diện theo uỷ quyền của Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện việc buộc bị đơn trả nợ nguyên đơn theo hợp đồng tín dụng, phụ lục và các khế ước nhận nợ đã ký kết tính đến ngày xét xử 19/5/2021 là:

1. Hợp đồng tín dụng từng lần số REF 1921000109/HĐTD/HNU - LQT ngày 15/08/2019 là:

- Nợ gốc: 262.187.414 đồng;
- Lãi trong hạn: : 30.807.601 đồng;
- Lãi quá hạn: 3.816.788 đồng (trong đó: Lãi quá hạn gốc: 2.998.032 đồng; Lãi quá hạn lãi: 1.764.984 đồng).

2. Hợp đồng hạn mức tín dụng khi phát hành thẻ tín dụng Visa ngày 14/07/2019 số tiền tạm tính đến ngày xét xử gồm:

- Nợ gốc: 2.503.000 đồng;  
- Nợ lãi quá hạn: 946.228 đồng (Lãi quá hạn gốc: 630.695 đồng; Lãi quá hạn lãi: 315.403 đồng).

**Tổng: 3.449.228 đồng.**

Đối với nợ tín dụng thẻ có ưu tiên một khoảng thời gian không phải chịu lãi, hết thời gian đó không trả phải chịu lãi quá hạn

***Tổng cộng cộng số tiền anh Lê Quang T, chị Trần Thị L trả nợ cho Nguyên đơn theo 02 Hợp đồng tín dụng trên là: 300.257.031 đồng.***

Bị đơn tiếp tục phải trả lãi trên dư nợ gốc, lãi trên nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng đến khi trả hết nợ.

Trường hợp bị đơn không trả, nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ đối với Hợp đồng tín dụng. Đối với Khoản nợ thẻ yêu cầu bị đơn trả ngay một lần và toàn bộ vì dư nợ của khoản tiền này còn 3.446.213 đồng.

Anh T và chị L có ý kiến:

+ Đối với khoản nợ của Hợp đồng tín dụng, vợ chồng anh xin được trả dần nợ gốc, miễn toàn bộ lãi để gia đình rút tài sản thế chấp ra.

+ Đối với khoản thẻ Visa cấp hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng. Anh chị xác nhận có rút ra để sử dụng một số tiền và có trả nợ, hiện tại nợ theo khoản thẻ Visa này còn lại 3.446.213 đồng, anh chị cam kết trả nguyên đơn ngay sau phiên tòa.

Về đề nghị miễn giảm lãi của anh T, chị L, đại diện theo uỷ quyền của Nguyên đơn xác định: Anh T chị L không thuộc đối tượng cho vay theo điều 4 của Nghị 55 /2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 về Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, nên không thuộc đối tượng miễn giảm lãi suất theo Thông tư số: 01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 3 năm 2020 “Quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khác hàng chịu ảnh hưởng do Covid 19”. Do vậy, Nguyên đơn không đồng ý miễn giảm lãi cho anh T, chị L.

\* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án đã tuân theo pháp luật, không vi phạm thủ tục tố tụng.

- Về tuân thủ pháp luật của đương sự:

Nguyên đơn, anh T chấp hành quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chị L không chấp hành quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của pháp luật, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

### **[1] Về tố tụng:**

Xác định thẩm quyền theo loại việc: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ khởi kiện về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Giữa các bên có ký 02 Hợp đồng tín dụng gồm Hợp đồng tín dụng từng lần số REF 1921000109 ngày 15/8/2019 mục đích sử dụng tiền bổ sung vốn lưu động hỗ trợ kinh doanh và và Hợp đồng tín dụng dưới dạng mở thẻ Visa. Đối với hợp đồng tín dụng vay từng lần các bên không có văn bản xác minh hoặc giải trình quá trình sử dụng vốn. Đối với Khoản tiền mở thẻ tín dụng Visa, mục đích sử dụng thẻ là vay tiêu dùng cá nhân, không tài sản bảo đảm. Do vậy, nên áp dụng Khoản 1 Điều 26- Bộ luật tố tụng dân sự để xác định quan hệ pháp luật là phù hợp.

Xác định thẩm quyền theo cấp và theo lãnh thổ: Bị đơn cư trú tại địa bàn Khu 5, thôn Thụy L, xã Thụy L, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Vì vậy, Tòa án nhân huyện Đ, thành phố Hà Nội thụ lý là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

### **Về tư cách tham gia tố tụng:**

- Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ, người khởi kiện yêu cầu bảo vệ quyền lợi nên tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn.

- Anh Lê Quang T, chị Trần Thị L đều tham gia ký Hợp đồng tín dụng, cùng sử dụng tiền vay, anh chị là người bị nguyên đơn khởi kiện nên tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn.

- Bà Trần Thị B, ông Lê Quang V, cháu Lê Bá Q, cháu Lê Thu H, cháu Lê Công Đ là những người đang ở trên tài sản thế chấp nên họ tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

### **[2] Về nội dung**

#### **2.1.1 Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:**

\*Ngày 15/8/2019, anh Lê Quang T, chị Trần Thị L và Ngân hàng TMCP Đ ký kết Hợp đồng tín dụng có nội dung cơ bản như lời trình bày của nguyên đơn ở trên. Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn, bị đơn thừa nhận rằng anh T, chị Luyện đã thực hiện được một phần nghĩa vụ của Hợp đồng tín dụng nêu trên. Ngày 15/4/2021, anh T chị L trả thêm 10.000.000 đồng được trừ vào nợ gốc;

\*Ngày 14/7/2019, anh T, chị L tiếp tục vay vốn của nguyên đơn theo Hợp đồng tín dụng dưới dạng mở thẻ Visa với hạn mức 30.000.000 đồng. Mục đích vay: Vay tiêu dùng cá nhân, lãi trong hạn 30%/năm, lãi quá hạn 45%/năm. Quá

trình thực hiện hợp đồng, anh chị thực hiện được một phần nghĩa vụ, hiện tại vẫn còn nợ gốc là lãi quá hạn.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của vợ chồng, anh T đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 126, tờ bản đồ số 40, diện tích 320m<sup>2</sup>; tài sản trên đất nhà ở 02 tầng diện tích xây dựng 60m<sup>2</sup> địa chỉ: Khu 6, Thụy L, Thụy L, huyện Đ, TP Hà Nội Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã đăng ký tên anh Lê Quang T theo Hợp đồng số 1445/2015/HĐCT lập tại VPCC Hà Anh ngày 15/09/2015.

Xét tính hợp pháp của các hợp đồng thấy: Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng tín dụng dưới dạng mở thẻ Visa và Hợp đồng thế chấp được lập thành văn bản các bên đều tự nguyện ký tên, đóng dấu xác nhận nên hợp đồng hợp pháp về hình thức. Các bên xác lập quyền và nghĩa vụ của mình trên cơ sở tự nguyện không bị lừa dối, ép buộc, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên hợp pháp về nội dung. Người tham gia ký kết Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp là phía nguyên đơn có đủ quyền hợp pháp, anh T, chị L có năng lực hành vi dân sự nên hợp pháp về chủ thể.

Hợp đồng tín dụng có áp dụng lãi suất nằm trong giới hạn của pháp luật cho phép.

Như vậy, Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, Hợp đồng tín dụng phát hành dưới dạng thẻ Visa, Hợp đồng thế chấp là hợp pháp.

Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ của bên cho vay, bị đơn anh T, chị L vi phạm nghĩa vụ của bên vay (Vi phạm kể từ ngày 15/6/2020 đối với Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức và ngày 16/7/2020 đối Hợp đồng tín dụng thẻ Visa).

Bị đơn đã thực hiện được một phần nghĩa vụ. Nợ gốc và lãi còn lại chưa trả. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thừa nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ đối với nguyên đơn là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết là có căn cứ được chấp nhận.

***Bị đơn phải trả nguyên đơn nợ gốc lãi của 02 Hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử là:***

1. Hợp đồng tín dụng từng lần số REF 1921000109/HĐTD/HNU - LQT ngày 15/08/2019 là:

- Nợ gốc: 262.187.414 đồng;
- Lãi trong hạn: : 30.807.601 đồng;
- Lãi quá hạn: 3.816.788 đồng (trong đó: Lãi quá hạn gốc: 2.998.032 đồng; Lãi quá hạn lãi: 1.764.984 đồng).

2. Hợp đồng hạn mức tín dụng khi phát hành thẻ tín dụng Visa ngày 14/07/2019 số tiền tạm tính đến ngày xét xử gồm:



- Nợ gốc: 2.503.000 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 946.228 đồng (Lãi quá hạn gốc: 630.695 đồng; Lãi quá hạn lãi: 315.403 đồng).
- Tổng: 3.449.228 đồng.

***Tổng cộng nợ theo 02 Hợp đồng tín dụng trên là: 300.257.031 đồng.***

**2.1.2. Về nghĩa vụ trả lãi sau khi có bản án:** Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP Tòa án nhân dân tối cao buộc chị Trần Thị L, anh Lê Quang T phải trả nợ gốc, lãi và phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thoả thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử là 20/5/2021 đến khi trả hết nợ.

**2.1.3. Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm:**

Do tài sản thế chấp đứng tên người anh T thế chấp bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Hợp đồng tín dụng từng lần số REF 1921000109/HĐTD/HNU - LQT ngày 15/08/2019. Trường hợp anh T, chị L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ của Hợp đồng tín dụng và lãi phát sinh của hợp đồng này theo quyết định của bản án đã có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 126, tờ bản đồ số 40, diện tích đo thực tế tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ là 302,4m<sup>2</sup> địa chỉ: Khu 6, Thụy L, Thụy L, huyện Đ, TP Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 576953; Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 276/760/QĐUB do UBND huyện Đ, thành phố Hà Nội cấp ngày 28/09/2005 cho hộ gia đình ông Lê Quang V. Ngày 28/09/2015 Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện Đ xác nhận tặng cho toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho ông Lê Quang T theo Hợp đồng số 1445/2015/HĐCT lập tại VPCC Hà Anh ngày 15/09/2015.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của chị Trần Thị L, anh Lê Quang T đối với nguyên đơn. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì chị Trần Thị L, anh Lê Quang T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho nguyên đơn.

Trình tự thủ tục xử lý tài sản thế chấp tuân theo quy định của Bộ luật dân sự, Luật thi hành án dân sự và Nghị định 163/2006/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm được sửa đổi bổ sung theo Nghị định số 11/2012/NĐ-CP của chính phủ về Giao dịch bảo đảm.

[2] **Về án phí:** Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên theo quy định tại Nghị quyết 326/2016 quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án bị đơn phải chịu phí dân sự sơ thẩm.

[3] **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự đều có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ :

- Điều 292, 295, 298, 299, 463, 465, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 26, 35, 39, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng;
- Điều 37 Luật hôn nhân gia đình 2014.
- Luật thi hành án dân sự;
- Nghị định 163/2006/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm được sửa đổi bổ sung theo Nghị định số 11/2012/NĐ-CP của chính phủ;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ với anh Lê Quang T, chị Trần Thị L;

- Buộc anh Lê Quang T, chị Trần Thị L phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ gồm nợ theo Hợp đồng tín dụng từng lần số REF 1921000109/HĐTD/HNU - LQT ngày 15/08/2019 là: **296.811.803 đồng**, trong đó:

- Nợ gốc: 262.187.414 đồng;
- Lãi trong hạn: : 30.807.601 đồng;
- Lãi quá hạn: 3.816.788 đồng (trong đó: Lãi quá hạn gốc: 2.998.032 đồng; Lãi quá hạn lãi: 1.764.984 đồng).

Trường hợp chị Trần Thị L, anh Lê Quang T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ toàn bộ các khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng từng lần số REF 1921000109/HĐTD/HNU - LQT ngày 15/08/2019 thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 126, tờ bản đồ số 40, diện tích 302,4m<sup>2</sup>; tài sản trên đất nhà ở 02 tầng diện tích xây dựng 60m<sup>2</sup> địa chỉ: Khu 6, Thụy L, Thụy L, huyện Đ, TP Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 576953; Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 276/760/QĐUB do UBND huyện Đ, thành phố Hà Nội cấp ngày 28/09/2005 cho hộ gia đình ông Lê Quang V. Ngày 28/09/2015 Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện Đ xác nhận tặng cho toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản

gắn liền với đất cho ông Lê Quang T theo Hợp đồng số 1445/2015/HĐCT lập tại VPCC Hà Anh ngày 15/09/2015.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của chị Trần Thị L, anh Lê Quang T đối với nguyên đơn. Nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì chị Trần Thị L, anh Lê Quang T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho nguyên đơn.

- Buộc anh Lê Quang T, chị Trần Thị L phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ nợ theo Hợp đồng hạn mức tín dụng khi phát hành thẻ tín dụng Visa ngày 14/07/2019 số tiền tạm tính đến ngày xét xử 19/5/2021 là **3.449.228 đồng**, trong đó:

- Nợ gốc: 2.503.000 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 946.228 đồng (Lãi quá hạn gốc: 630.695 đồng; Lãi quá hạn lãi: 315.403 đồng).

**Tổng cộng nợ theo 02 Hợp đồng tín dụng trên là: 300.257.031 đồng.**

- Buộc chị Trần Thị L, anh Lê Quang T phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng từng lần số REF 1921000109/HĐTD/HNU - LQT ngày 15/08/2019 và Hợp đồng hạn mức tín dụng khi phát hành thẻ tín dụng Visa ngày 14/07/2019 đã ký kết kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử là 20/5/2021 đến khi trả hết nợ cho nguyên đơn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Chị Trần Thị L, anh Lê Quang T phải chịu 15.012.888 đồng án phí là đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí là 8.736.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0008684 ngày 04/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

3. Án xử công khai sơ thẩm. Ngân hàng Thương mại Thương mại cổ phần Đ, Bị đơn anh Lê Quang T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Quang V, bà Trần Thị B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn chị Trần Thị L, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng;

**Triệu Thúy Hà**

